

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN
Số: 72/2004/QĐ-BNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 12 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
Ban hành Quy định quản lý sản xuất, kinh doanh và sử dụng phân bón

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh chất lượng hàng hoá số 18/1999/PL-UBTVQH10 ngày 24 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón;

Căn cứ Nghị định số 179/2004/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ Quy định quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hoá;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nông nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành Quyết định về Quy định quản lý sản xuất, kinh doanh và sử dụng phân bón.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng công báo. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3: Chánh văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Nông nghiệp, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ
SỬ DỤNG PHÂN BÓN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/2004/QĐ-BNN
ngày 8 tháng 12 năm 2004)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Quy định này áp dụng trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, sử dụng, công bố Danh mục phân bón được phép sản xuất kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam và phân công trách nhiệm quản lý về phân bón;

b) Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động liên quan đến lĩnh vực phân bón trên lãnh thổ Việt Nam phải thực hiện Quy định này, trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập có quy định khác thì thực hiện theo Điều ước quốc tế đó.

2 Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) Các loại phân bón rã, phân bón lá, phân vô cơ (phân khoáng, phân hoá học), phân đơn (phân khoáng đơn), phân phức hợp, phân trộn (phân khoáng trộn), phân vi sinh vật, phân hữu cơ sinh học, phân bón có bổ sung chất điều hòa sinh trưởng và khái niệm về hàm lượng độc tố cho phép được hiểu như Điều 4, Chương I của Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định 113/2003/NĐ-CP) về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón;
- b) Yếu tố dinh dưỡng đa lượng (sau đây gọi là phân đa lượng): là những yếu tố dinh dưỡng mà cây trồng sử dụng với lượng lớn gồm đạm, lân và kali;
- c) Yếu tố dinh dưỡng trung lượng (sau đây gọi là phân trung lượng): là những yếu tố dinh dưỡng mà cây trồng sử dụng với lượng trung bình gồm canxi, magiê và lưu huỳnh;
- d) Yếu tố dinh dưỡng vi lượng (sau đây gọi là phân vi lượng): là những yếu tố dinh dưỡng mà cây trồng sử dụng với lượng ít gồm sắt, kẽm, đồng, bo, moliบดีn và các yếu tố vi lượng khác;
- đ) Phân đa yếu tố: là loại phân vô cơ có chứa từ 2 yếu tố dinh dưỡng đa lượng trở lên, không kể các yếu tố trung lượng, vi lượng;
- e) Phân hữu cơ vi sinh: là loại phân được sản xuất từ nguyên liệu hữu cơ có chứa một hay nhiều chủng vi sinh vật sống có ích, với mật độ phù hợp với tiêu chuẩn đã ban hành;
- g) Phân hữu cơ khoáng: là loại phân sản xuất từ nguyên liệu hữu cơ, được trộn thêm một hay nhiều yếu tố dinh dưỡng, trong đó có ít nhất một yếu tố dinh dưỡng đa lượng;
- h) Hàm lượng các chất dinh dưỡng: là lượng các chất dinh dưỡng có trong phân bón được biểu thị bằng đơn vị khối lượng/đơn vị khối lượng (g/kg...), tỷ lệ phần trăm (%) hoặc phần triệu (ppm); nếu là phân dạng lỏng có thể dùng thêm đơn vị khối lượng/đơn vị thể tích (mg/lít, g/lít...);
- i) Phân hữu cơ truyền thống: là loại phân có nguồn gốc từ động, thực vật như: phân trâu, phân bò, phân lợn, phân gà, phân bắc, nước giải và các loại phân xanh;
- k) Chất cải tạo đất: là chất bón vào đất có tác dụng nâng cao độ phì, cải thiện đặc điểm lý tính, hoá tính, sinh tính đất, tạo điều kiện cho cây sinh trưởng, phát triển tốt, cho năng suất cao và chất lượng nông sản tốt;
- l) Danh mục phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam (sau đây gọi là Danh mục phân bón): là bản liệt kê các loại phân bón được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận và cho phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam.

II. DANH MỤC PHÂN BÓN

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố Danh mục phân bón trong từng thời kỳ. Các loại phân bón được đưa vào Danh mục phân bón gồm:

- a) Phân bón qua khảo nghiệm được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là tiến bộ kỹ thuật mới (phân bón mới).
- b) Phân bón không qua khảo nghiệm nhưng đạt tiêu chuẩn sau đây:

Phân phức hợp, phân khoáng trộn có tổng hàm lượng các yếu tố dinh dưỡng đa lượng $N + P_2O_5$ (hữu hiệu) + $K_2O \geq 18\%$, trong đó đạm ký hiệu là N, lân ký hiệu là P (tính bằng P_2O_5) và kali ký hiệu là K (tính bằng K_2O);

Các loại phân phức hợp, phân khoáng trộn dùng bón rễ có tổng hàm lượng các yếu tố dinh dưỡng đa lượng $N + P_2O_5$ (hữu hiệu) + $K_2O \geq 18\%$, có bổ sung các yếu tố trung lượng, vi lượng;

Các loại phân phức hợp, phân khoáng trộn dùng bón rễ có tổng hàm lượng các yếu tố dinh dưỡng đa lượng $N + P_2O_5$ (hữu hiệu) + $K_2O \geq 18\%$, có bổ sung chất hữu cơ $< 10\%$;

Các loại phân vi lượng dùng bón rễ có hàm lượng tối thiểu các nguyên tố như sau:

B: 0,02% Cl: 0,1% Co: 0,005% Cu: 0,05%
Fe: 0,01% Mn: 0,05% Mo: 0,0005% Zn: 0,05%

c) Phân bón là kết quả của các đề tài nghiên cứu khoa học được nghiệm thu tại Hội đồng chuyên ngành phân bón cấp Bộ hoặc cấp Nhà nước công nhận là phân bón mới và phải đăng ký với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vào Danh mục phân bón.

Hồ sơ đăng ký gồm:

Đơn đăng ký vào Danh mục phân bón (*Biểu mẫu số 01*);

Biên bản nghiệm thu đánh giá của Hội đồng khoa học chuyên ngành phân bón;

Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu;

Quyết định hoặc xác nhận của Bộ chủ quản về kết quả nghiệm thu đánh giá của Hội đồng khoa học chuyên ngành.

Các tài liệu khác có liên quan (đặc tính hoá học, lý học, sinh học, kết quả phân tích thành phần, hàm lượng các chất dinh dưỡng có trong phân bón, hướng dẫn sử dụng...).

2. Định kỳ hàng năm Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát lại Danh mục phân bón để:

a) Bổ sung các loại phân bón thuộc điểm a và điểm c khoản 1, Mục II của Quy định này vào Danh mục phân bón.

b) Đưa ra khỏi Danh mục phân bón những loại sau:

Các loại phân bón không còn tồn tại trên thị trường;

Các loại phân bón trong quá trình sử dụng phát hiện gây tác hại đến sản xuất và môi trường;

Các loại phân bón đã có tên trong Danh mục phân bón quá năm năm nhưng không đăng ký lại với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Các loại phân bón sau ba lần kiểm tra liên tục có mức chất lượng kiểm tra không đạt với mức chất lượng công bố.

3. Tổ chức, cá nhân có quyền chuyển giao công nghệ sản xuất loại phân bón đã có tên trong Danh mục phân bón. Việc chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón thực hiện theo Nghị định số 45/1998/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 1998 quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ và Quy định số 11/2002/TT-BKHCN ngày 29 tháng 11 năm 2002 của Bộ Khoa học Công nghệ.

III. SẢN XUẤT, SỬ DỤNG PHÂN BÓN

1. Điều kiện sản xuất các loại phân vô cơ do Bộ Công nghiệp quy định.

2. Sản xuất các loại phân bón lá, phân vi sinh vật, phân hữu cơ sinh học, phân hữu cơ vi sinh, phân hữu cơ khoáng, phân có bổ sung chất điều hoà sinh trưởng, chế phẩm cải tạo đất phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có giấy đăng ký kinh doanh mặt hàng phân bón do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và có đủ các điều kiện quy định tại Điều 5, Chương II của Nghị định 113/2003/NĐ-CP;

b) Có hoặc thuê ít nhất một cán bộ chuyên môn về phân bón có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên;